

## NGÔN NGỮ TRONG GIAO TIẾP GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI CHĂM Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN PHƯƠNG NGUYỄN

### TÓM TẮT

*Bài viết đề cập đến giao tiếp trong phạm vi gia đình của người Chăm tại TP HCM trong bối cảnh cuộc sống đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ tạo điều kiện cho sự giao thoa tiếp xúc ngôn ngữ. Trạng thái song ngữ tiếng Việt-tiếng Chăm được coi là trạng thái chủ đạo, trong đó tiếng Chăm chiếm ưu thế trong đời sống cộng đồng của người Chăm. Bằng các số liệu khảo sát định lượng và định tính tại phường 17, quận Phú Nhuận, TP HCM trong năm 2012, bài viết giúp chúng ta nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng đến ngôn ngữ trong giao tiếp của người Chăm thông qua các tiêu chí: giới tính, tuổi tác, học vấn và nghề nghiệp.*

### DẪN NHẬP

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp cơ bản

Trần Phương Nguyễn. Thạc sĩ. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ "Một số vấn đề chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Chăm trong sự phát triển bền vững vùng Nam Bộ, 2011-2012". Chủ nhiệm đề tài: Trần Phương Nguyễn. Chủ trì: Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ

và quan trọng nhất của các thành viên trong cộng đồng người. Nhờ có ngôn ngữ mà con người có diễn đạt làm cho người khác hiểu được tư tưởng, tình cảm, trạng thái và nguyện vọng của mình. Ngôn ngữ cũng chính là phương tiện để truyền lại những kinh nghiệm, tri thức, trí tuệ... làm nên giá trị văn hóa của mỗi tộc người. Nhờ có ngôn ngữ, các cộng đồng người được gắn kết với nhau, là tác nhân để duy trì, củng cố niềm tin, tập quán và những quy định của cộng đồng.

Mỗi con người (ngoại trừ những trường hợp hết sức đặc biệt) đều được sinh ra và lớn lên từ một gia đình. Mỗi một gia đình lại hợp nhau thành cộng đồng làng xóm, rộng hơn là Tổ quốc. Trong lịch sử phát triển của xã hội, gia đình bao giờ cũng là giá trị hạt nhân. Những giá trị về văn hóa gia đình là một bộ phận không thể thiếu để làm nên những giá trị văn hóa chung của văn minh nhân loại.

Trong gia đình, con người sử dụng ngôn ngữ đầu đời của mình là tiếng mẹ đẻ. Đây chính là sợi dây gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng, là tình cảm ngôn ngữ thiêng liêng, gần gũi, góp phần hình thành và phát triển nhân cách mỗi người. Với chức năng là phương tiện

giao tiếp quan trọng nhất của con người, ngôn ngữ là phương tiện đích thực để con người truyền lại tri thức cho đời sau. Những tri thức bản địa cùng với tri thức hiện đại sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển xã hội bền vững.

Xét ở góc độ ngôn ngữ, những cá nhân trong cộng đồng các dân tộc thiểu số (trong đó gia đình là nền tảng) phải đồng thời sử dụng tốt cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt, bởi vì muốn phát triển kinh tế và khoa học công nghệ cần hội nhập với thế giới, và do đó cần phải giảm bớt các rào cản về ngôn ngữ. Ở trường hợp người Chăm, tiếng Việt sẽ mang lại cơ hội về giáo dục, nắm bắt khoa học kỹ thuật, những lợi ích kinh tế và cả địa vị xã hội. Tiếng Chăm sẽ là cầu nối để bảo lưu và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Nếu chỉ vì lợi ích trước mắt mà không coi trọng việc học tiếng mẹ đẻ sẽ làm mai một và mất dần bản sắc văn hóa của một tộc người, của một quốc gia đa dân tộc và xét về lâu dài, sẽ là sự phát triển thiếu bền vững.

## 1. QUAN HỆ GIAO TIẾP VÀ CÁC HÌNH THỨC GIAO TIẾP

Trong xã hội, giao tiếp có nhiều phương tiện và phương thức khác nhau (tín hiệu, ký hiệu, âm thanh, hình vẽ, ánh sáng...) nhưng giao tiếp bằng ngôn ngữ là quan trọng nhất, được hình thành sớm nhất, xuất hiện cùng với ý thức và mang tính bản năng.

Giao tiếp ngôn ngữ là hoạt động cơ bản, tự nhiên, thiết yếu cho sự sinh tồn và phát triển của con người trong các mối quan hệ với tự nhiên và xã hội. Nó chính là tình cảm giao tiếp giữa con người với con

người của một dân tộc. Thế giới ngôn ngữ của con người được hình thành từ hai nửa: một nửa là năng lực ngôn ngữ (thuộc phạm trù tâm lý) và một nửa khác là sự vận dụng ngôn ngữ (thuộc phạm trù xã hội).

Năng lực giao tiếp có thể hiểu là năng lực vận dụng ngôn ngữ để tiến hành giao tiếp xã hội. Khái niệm năng lực giao tiếp là sự kết hợp linh hoạt của ba tham tố gồm: cấu trúc ngôn ngữ, vận dụng ngôn ngữ và đời sống xã hội (Dell Hymes, 1964, dẫn theo Nguyễn Văn Khang, 2009, tr. 183).

Năng lực giao tiếp bao gồm năng lực tạo mã (vận dụng) và giải mã (lý giải) được thể hiện ở các mặt của hành vi nói năng, đó là việc sử dụng biến thể ngôn ngữ thích hợp với bối cảnh giao tiếp.

Trong nghiên cứu của mình, Dell Hymes (1964) nhấn mạnh đến khả năng giao tiếp (communicative competence) của thành viên trong cộng đồng không chỉ là khả năng phát âm, hiểu từ vựng và dùng đúng quy luật cú pháp, mà còn là sự hiểu biết về những quy luật xác định mối tương quan giữa ngôn từ và cảnh huống. Nói cách khác, khả năng giao tiếp còn có thêm yếu tố sử dụng ngôn từ thích hợp trong một cảnh huống cụ thể.

J. Fishman (1968, dẫn theo Nguyễn Văn Khang, 2012, tr. 45) đã cho rằng, trong xã hội đa ngữ, từ vô số bối cảnh giao tiếp đồng dạng có thể khái quát thành "lĩnh vực" như gia đình, giáo dục, tôn giáo... Trong từng lĩnh vực lại có thể chia nhỏ thành các tiểu lĩnh vực. Ví dụ, lĩnh vực gia đình có thể chia thành ba đời, bốn đời.

Đồng quan điểm trên, W. Labov (1966) cho rằng, vấn đề cơ bản của ngôn ngữ học xã

hội là phải tìm hiểu xem ai nói, vì sao nói và nói như thế nào. Sau này các nhà ngôn ngữ học phân tích thành 6 yếu tố cụ thể: Ai nói (Who), nói với ai (Whom), nói ở nơi nào (Where), nói khi nào (When), vì sao nói (Why) và nói gì (What) (Nguyễn Văn Khang, 2012, tr. 45). Theo đó, nội dung cơ bản của mô thức về biến đổi xã hội của W.Labov gồm hai mặt: Sự biến đổi xã hội và sự biến đổi phong cách. “Sự biến đổi xã hội” được hiểu là ngôn ngữ thay đổi theo thuộc tính xã hội của người sử dụng” còn “biến đổi phong cách” được hiểu là ngôn ngữ thay đổi theo ngữ cảnh. Labov (1967) cho rằng cùng một sự vật, hiện tượng nhưng tồn tại cách nói khác nhau. Sở dĩ người nói sử dụng phong cách nói này mà không sử dụng phong cách nói kia là có liên quan đến bối cảnh xã hội của người nói và ngữ cảnh khi nói.

Một cộng đồng xã hội khi lựa chọn ngôn ngữ để sử dụng trong một ngữ cảnh nhất định đều thể hiện một mô thức khá nghiêm chỉnh, có liên quan mật thiết đến sự đánh giá chủ quan đối với ngôn ngữ của cộng đồng xã hội.

Austin (1975, dẫn theo Lương Văn Hy, 2000, tr. 12) cũng nhận định, khi con người giao tiếp với nhau không thể không xem xét đến bối cảnh giao tiếp, một lời nói nào đó chỉ có thể có được hiệu quả và phù hợp khi đặt nó ở trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể. Điều này có nghĩa là nghiên cứu ngôn ngữ phải nghiên cứu mối quan hệ giữa hành động ngôn từ với bối cảnh hiện thực.

Như vậy, ngôn từ có một chức năng nhất định trong việc định hình giao tiếp và quan hệ xã hội, cũng như trong việc hình thành và tái tạo cấu trúc xã hội (gồm cả cấu trúc

gia đình) nói chung. Nói cách khác, ngôn ngữ có vai trò trong việc tái tạo cảnh huống giao tiếp và tái tạo lại cấu trúc xã hội-văn hóa vĩ mô (giới, giai tầng xã hội, ranh giới các dân tộc).

Một cộng đồng ngôn từ có thể sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau để giao tiếp và trong trường hợp này, có những quy luật tương đối rõ rệt về việc khi nào sử dụng ngôn ngữ này và khi nào sử dụng ngôn ngữ kia. Đó chính là sự lựa chọn ngôn ngữ. Có thể chọn một ngôn ngữ hoặc đồng thời cả 2, 3 ngôn ngữ để giao tiếp hay giao tiếp theo hướng trộn lẫn. Chọn cách giao tiếp nào là phụ thuộc vào hàng loạt các nhân tố xã hội như: ý thức tự giác tộc người, năng lực giao tiếp hay mục đích và chiến lược giao tiếp.

## 2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ GIA ĐÌNH NGƯỜI CHĂM Ở TPHCM

Gia đình là một thiết chế xã hội có đặc thù liên kết con người lại với nhau, nhằm thực hiện việc duy trì nòi giống, chăm sóc và giáo dục con cái. Sự liên kết ít nhất là hai người dựa trên cơ sở huyết thống, hôn nhân và nhận con nuôi. Những người này có thể sống khác hoặc cùng mái nhà với nhau (Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, 2009, tr. 54).

Như vậy, gia đình là một khái niệm bao gồm nhiều yếu tố: sinh học, tâm lý, văn hóa, kinh tế,... Từ mỗi góc độ nghiên cứu, khi xem xét về gia đình đều có thể đưa ra một khái niệm cụ thể, phù hợp với nội dung nghiên cứu.

Gia đình người Chăm ở Việt Nam trước đây theo chế độ mẫu hệ, nhưng dưới tác động của các nhân tố xã hội trong đó có tôn giáo, thiết chế dòng họ của người

Chăm Islam đã biến đổi, kéo theo sự thay đổi về văn hóa xã hội của người Chăm. Hiện nay người Chăm ở TPHCM theo chế độ phụ hệ. Điều này được thể hiện qua việc thừa kế tài sản và đặt tên con<sup>(1)</sup>. Mặc dù vị trí của nam giới luôn được coi trọng, nhưng người mẹ vẫn có vai trò đặc biệt nhất, tuy không đưa ra quyết định chính thức nhưng lại có sự chi phối lớn trong những quyết định của thành viên khác, nhất là đối với các con. Điều này có ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ trong gia đình, thường thì người mẹ nói ngôn ngữ nào thì những đứa con sẽ nói ngôn ngữ đó thậm chí cả người chồng cũng có sự thay đổi ngôn ngữ theo vợ (kết quả phỏng vấn định tính của đề tài năm 2012).

Gia đình người Chăm ở TPHCM tồn tại dưới 2 dạng: gia đình lớn và gia đình nhỏ.

– *Gia đình lớn* (gia đình ba thế hệ hoặc gia đình mở rộng) thường được coi là gia đình truyền thống liên quan tới mô hình gia đình trong quá khứ. Đó là một nhóm người ruột thịt vài thế hệ sống chung với nhau dưới một mái nhà, thường từ ba thế hệ trở lên, tất nhiên trong phạm vi của nó còn có cả những người ruột thịt từ tuyến phụ. Dạng cổ điển của gia đình lớn là gia đình trường lớn, có đặc tính tổ chức chặt chẽ. Nó liên kết ít nhất vài gia đình nhỏ và những người lẻ loi. Ngày nay, gia đình lớn thường gồm cặp vợ chồng, con cái và bố mẹ của họ. Trong gia đình này, quyền hành không ở trong tay của người lớn tuổi nhất.

– *Gia đình nhỏ* (gia đình cá thể hoặc gia đình hạt nhân) Hiện nay dạng gia đình này trở nên phổ biến, chiếm tới 61%<sup>(2)</sup> trong tổng số hộ được khảo sát trong đó 58% là tiểu gia đình trọn vẹn và 3% là tiểu gia đình

với một cặp vợ chồng chưa có con, là nhóm người thể hiện mối quan hệ của chồng và vợ với các con. Do vậy, cũng có thể có gia đình nhỏ đầy đủ và gia đình nhỏ không đầy đủ. Gia đình nhỏ đầy đủ là loại gia đình chứa trong nó đầy đủ các mối quan hệ (chồng, vợ, các con); ngược lại, gia đình nhỏ không đầy đủ là loại gia đình không đầy đủ các mối quan hệ đó, nghĩa là trong đó chỉ tồn tại quan hệ của người vợ với người chồng hoặc chỉ của người bố hoặc người mẹ với các con. Gia đình nhỏ là dạng gia đình đặc biệt quan trọng, là kiểu gia đình của tương lai và ngày càng phổ biến trong xã hội công nghiệp hiện đại.

Cấu trúc các dạng gia đình trong cộng đồng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng ngôn ngữ bởi vì sau hôn nhân, các gia đình được chia tách dường như có mối quan hệ xa dần với các thế hệ trước đó, các yếu tố văn hóa truyền thống dần bị chi phối bởi môi trường đô thị hóa trong đó có ngôn ngữ. Thêm vào đó, tình trạng hôn nhân đa ngôn ngữ trong các gia đình khi bị chia tách nhỏ, sẽ làm mai một và thay đổi dần yếu tố ngôn ngữ truyền thống, đã được xây dựng trong gia đình từ thế hệ này sang thế hệ khác. Điều này cho thấy tầm quan trọng sống còn của ngôn ngữ trong môi trường gia đình. Colin Baker (2008, tr. 115) cho rằng: môi trường gia đình trở thành nguyên nhân trực tiếp cho sự sụp đổ, sự phục hồi, sự duy trì của ngôn ngữ thiểu số.

### 3. SỬ DỤNG NGÔN NGỮ GIAO TIẾP TRONG GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI CHĂM Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàn cảnh giao tiếp gắn liền với địa bàn sử dụng, tình trạng sử dụng ngôn ngữ,

dẫn đến sự giao thoa, tiếp xúc ngôn ngữ, do tiếp xúc tộc người.

### 3.1. Bối cảnh giao tiếp của người Chăm ở TPHCM

Bối cảnh, môi trường giao tiếp của người Chăm ở TPHCM là cuộc sống sôi động của đô thị đang phát triển nhanh, giao tiếp gia đình phụ thuộc vào các yếu tố xã hội, liên quan đến môi trường song ngữ, đa ngữ, chủ yếu là tiếng Việt phổ thông và tiếng Việt Nam Bộ, tiếp theo là tiếng Khmer, tiếng Anh, tiếng Hoa...

Phạm vi giao tiếp trong gia đình và xã hội của người Chăm tại TPHCM sẽ gợi mở những vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiếng mẹ đẻ (bản ngữ). Yếu tố thuần Chăm có phần nổi trội hơn mặc dù chỉ ở mức tương đối.

Xét về mặt dân số, người Chăm có số dân không đông so với các dân tộc khác ở Nam Bộ cũng như TPHCM (đứng thứ 4, sau người Kinh, người Hoa và Khmer). Điều này ít nhiều có sự bất lợi trong việc duy trì và phát triển tiếng Chăm trong mối quan hệ với các cộng đồng có số dân lớn hơn, làm giảm khả năng hành chức của ngôn ngữ vì thiếu môi trường giao tiếp. Tuy nhiên với lợi thế là phương tiện truyền bá kinh thánh của một tôn giáo (đạo Islam), tiếng Chăm có một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của người Chăm theo đạo Islam. Nó không những được sử dụng như một công cụ giao tiếp mà còn là sợi dây liên kết giữa những người Chăm trong văn hóa tâm linh của họ. Từ việc cầu nguyện hàng ngày, cho đến các nghi lễ tang ma, cưới hỏi, hay trong các lễ hội, họ đều sử dụng tiếng Chăm làm phương tiện biểu đạt. Điều này, thể hiện

thái độ tích cực đối với ngôn ngữ của cộng đồng. Có thể nói, đặc điểm tôn giáo, một yếu tố hợp thành cảnh huống ngôn ngữ của tiếng Chăm Nam Bộ đã nâng cao vị thế của tiếng Chăm trong giao tiếp cộng đồng, làm cho xã hội Chăm trở nên bền chặt.

Xét ở bình diện giao tiếp xã hội, người Chăm ở TPHCM đều sử dụng song ngữ Chăm-Việt. Nhiều trường hợp người Chăm còn sử dụng cả tiếng Khmer và tiếng Hoa. Nhưng trong cộng đồng người Chăm, sử dụng tiếng Chăm trở thành một quy ước trong cộng đồng. Hầu như 100% người Chăm đều nói được tiếng Chăm và dùng tiếng Chăm trong giao tiếp gia đình. Ngoài ra, người Chăm còn sử dụng tiếng Chăm (Arab) để đọc kinh Coran và trau dồi giáo lý.

Tiếng Việt là ngôn ngữ phổ thông, đây là cầu nối để các cộng đồng người dân tộc thiểu số có thể hưởng thụ được các nhu cầu khác của xã hội như tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế, giáo dục và cả cơ hội việc làm. Biết tiếng Việt, người Chăm có cơ hội hòa nhập cộng đồng và có điều kiện phát triển. Trong khi đó, tiếng Chăm giúp cho việc bảo tồn các giá trị văn hóa, củng cố bản sắc cộng đồng, làm cho sự phát triển trở nên toàn diện và bền vững. Sự phân công chức năng giao tiếp (hay môi trường giao tiếp) giữa tiếng Chăm và tiếng Việt khá rõ ràng. Vì thế, có thể nói người Chăm ở TPHCM không thể thiếu đi một trong hai ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Khảo sát tại địa bàn TPHCM thì có tới 98% người Chăm biết tiếng Việt, một số người còn biết cả tiếng Anh và tiếng Melayu. Đây chính là cầu nối để họ tìm kiếm cơ hội giáo dục tốt nhất cho mình. Người Chăm

tiếp nhận tiếng Việt qua giao tiếp hàng ngày và qua giáo dục. Những người lớn tuổi trong cộng đồng biết tiếng Việt do giao tiếp ngoài cộng đồng, còn trẻ em thì do được đến trường từ rất sớm. Môi trường giáo dục ở TPHCM được coi là ít có sự khác biệt với trẻ em các dân tộc so với ở vùng nông thôn. Tuy các em không thông thạo tiếng Việt bằng những trẻ em người Kinh nhưng khả năng nói tiếng Việt của các em đều đạt trình độ giao tiếp chấp nhận được. Một điều đáng chú ý là người Chăm có thể chuyển mã một cách thành thạo từ tiếng Việt sang tiếng Chăm và ngược lại khi giao tiếp.

Một số lượng lớn người Chăm ở TPHCM do mưu sinh đã phải bươn chải làm ăn bên ngoài cộng đồng, vì thế đã tạo ra những mối liên hệ khác trong xã hội, sử dụng các ngôn ngữ khác nhau, trong đó tiếng Việt là chủ yếu, ngoài ra còn có cả tiếng Anh, Khmer và một vài trường hợp là tiếng Hoa. Việc sử dụng đa ngôn ngữ, ngoài lý do làm ăn buôn bán, còn vì có một số người Chăm kết hôn với người dân tộc khác, chủ yếu là người Khmer.

Mặc dù trong bối cảnh ngôn ngữ không thuần nhất, nhưng người Chăm ở TPHCM luôn ý thức cao về việc sử dụng tiếng nói của dân tộc mình.

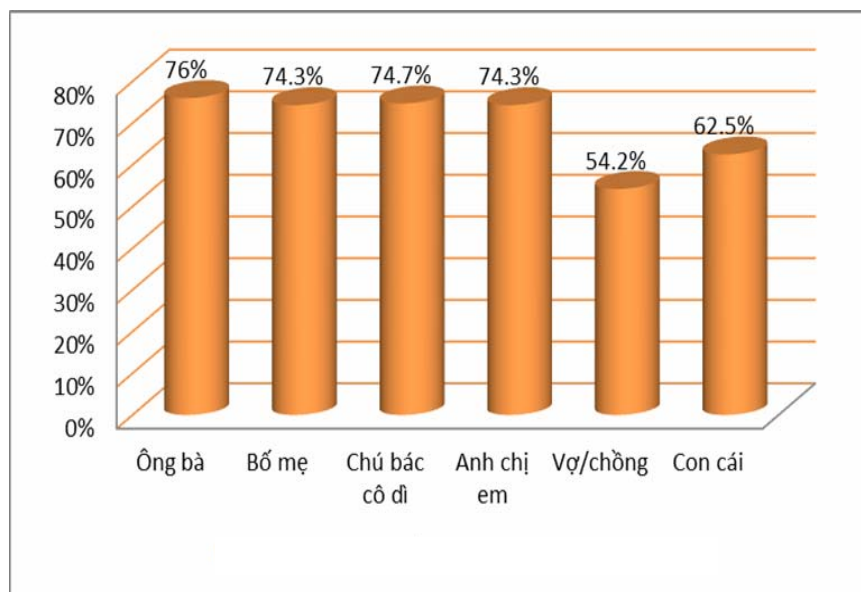
Tuy nhiên, trong hoàn cảnh cụ thể, người Chăm vẫn phải lựa chọn ngôn ngữ cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, hoặc là sử dụng tiếng Chăm, tiếng Việt và cả tiếng Khmer, hoặc là tiếng Melayu, tiếng Anh. Sự lựa chọn ấy phụ thuộc vào môi trường giao tiếp *trong gia đình* hay *ngoài xã hội*.

### 3.2. Đặc điểm giao tiếp ngôn ngữ trong gia đình của người Chăm ở TPHCM

Ở trong bối cảnh giao tiếp này có hai trường hợp xảy ra, đó là *giao tiếp với các thành viên trong gia đình* và *giao tiếp với khách*. Ở mỗi hoàn cảnh giao tiếp khác nhau, người Chăm sử dụng ngôn ngữ khác nhau cho phù hợp.

Giao tiếp trong gia đình bao gồm bố, mẹ, ông, bà, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác... hầu hết người Chăm đều sử dụng tiếng mẹ đẻ. Trong quá trình đi điền dã, chúng tôi nhận thấy rằng, mặc dù trong gia đình

Biểu đồ 1: Tình trạng sử dụng tiếng Chăm khi giao tiếp trong gia đình



Nguồn: Kết quả điều tra định lượng đề tài năm 2012.

có những cặp hôn nhân khác dân tộc, chẳng hạn như kết hôn với người Kinh, Khmer hoặc người Hoa thì những người ngoại tộc đó đều phải học tiếng Chăm và thường sử dụng tiếng Chăm. Nhưng vì trong gia đình có người khác dân tộc sinh sống nên đôi khi các thành viên trong gia đình vẫn có sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, chẳng hạn như khi xem ti vi hoặc bàn luận một vấn đề gì đó của gia đình. Tuy nhiên, nét chủ đạo ở đây vẫn là tiếng Chăm. Trạng thái ngôn ngữ phổ biến ở thế hệ ông bà là đơn ngữ (tiếng mẹ đẻ). Ở các thế hệ sau như bố, mẹ, con, cháu, trạng thái ngôn ngữ là song ngữ (tiếng Chăm và tiếng Việt). Tình trạng này có xu hướng tăng dần ở các thế hệ tiếp theo.

Khi giao tiếp với khách trong gia đình, nếu là khách quen (hàng xóm) cùng dân tộc, người Chăm sử dụng tiếng Chăm và tiếng Việt, tiếng Chăm là 50,5%, vừa Việt vừa Chăm là 47,9%. Có một vài trường hợp sử dụng tiếng Khmer do trước đây họ có một thời gian dài sinh sống và làm ăn buôn bán với người Khmer, hoặc có vợ hay chồng là người Khmer.

Đối với khách quen là người khác dân tộc thì hầu như họ sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, trừ khi họ không biết nhiều về tiếng Việt mà trong khi đó người khách lại biết nói tiếng Chăm và chủ động giao tiếp bằng tiếng Chăm trước. Cách sử dụng ngôn ngữ này không chỉ với người Việt mà cả với người Khmer và người Hoa.

3.3. Một số đặc điểm trong giao tiếp gia đình qua khảo sát các tiêu chí nhân khẩu học

Tại TPHCM, nhóm đề tài lựa chọn quận Phú Nhuận làm địa bàn nghiên cứu (cụ thể

là cộng đồng Chăm ở phường 17) với 117 người. Đây là địa bàn tập trung người Chăm đông thứ 2 ở TPHCM (771 người, chiếm 20,45%), nằm ngay trục giao thông chính của quận Phú Nhuận. Toàn bộ người Chăm đều theo đạo Hồi (Islam), cuộc sống sinh hoạt mang những nét đặc thù. Họ mưu sinh chủ yếu bằng nghề buôn bán-dịch vụ và làm thuê.

Trong mẫu khảo sát xét nam là 53 người (45,3%) và nữ là 64 người (54,7%). Về nhóm tuổi, số người từ 15 đến 18 tuổi là 8 người (6,8%), từ 19 đến 30 tuổi là 66 người (56,4%), từ 31 đến 60 tuổi là 43 người (36,8%) và trên 60 tuổi không có. Về nghề nghiệp, mẫu có 18 người làm công việc nội trợ (15,4%), 76 người hoạt động buôn bán-dịch vụ (65,%) , 16 người là học sinh, sinh viên, công nhân viên (13,7%) và 7 người làm các công việc khác (6%) như bảo vệ, giáo viên dạy thể dục nhịp điệu, kỹ sư xây dựng,... Buôn bán-dịch vụ là nghề nghiệp nổi trội của người Chăm trong mẫu khảo sát. Về học vấn, số người chưa và không đi học là 12 người (10,3%), người có trình độ tiểu học là 3 người (2,6%), trình độ cấp 2 là 42 người (35,9%), trình độ cấp 3 là 44 người (37,6%) và trình độ đại học là 16 người (13,7%).

3.3.1. Giao tiếp với các thành viên trong gia đình

Các tiêu chí về nhân khẩu xã hội bao gồm: *giới tính, tuổi tác, học vấn và nghề nghiệp*. Đây là những đặc điểm quan trọng tạo ra sự khác biệt căn bản về giai tầng. Qua khảo sát sẽ giúp chúng ta nhận diện những nhân tố đã làm nên sự khác nhau trong giao tiếp gia đình của người Chăm ở TPHCM.

*Xét về giới tính*, khi giao tiếp với bố mẹ và cô dì chú bác, nam giới sử dụng tiếng Chăm thấp hơn nữ giới nhưng không đáng kể (với bố mẹ: 92,5%; 86,8%); (với cô dì, chú bác: 93,7%; 93%). Số người nam sử dụng song ngữ (Chăm-Việt) để giao tiếp cao hơn nữ (nam: 7,5%; nữ: 4,7%). Khi giao tiếp với con cái, nam giới cũng ít sử dụng tiếng Chăm hơn là nữ, mức độ chênh lệch là 3,5%. Trong khi đó, mức độ sử dụng hoàn toàn bằng tiếng Chăm của nữ giới cũng cao hơn nam giới (45,3% so với 30,2%). Xét trong toàn bộ mối quan hệ gia đình thì tỉ lệ nói tiếng Chăm của nữ nhiều hơn nam giới nhưng không đáng kể: (nam: 76%; nữ: 73,6%). Mức độ sử dụng song ngữ của nữ cũng nhiều hơn nam: 11,3% so với 1,6%.

Số liệu khảo sát trên cho thấy, người Chăm khi giao tiếp với người thân ở các thế hệ (ông bà, bố mẹ, cô dì, chú bác, con cái) đa số dùng tiếng Chăm để giao tiếp. Tình trạng sử dụng phần lớn tiếng Việt và hoàn toàn tiếng Việt trong giao tiếp với người thân là không có, trạng thái đa ngữ ít, nữ dùng tiếng Chăm để giao tiếp với người thân nhiều hơn nam. Điều này cho thấy trong gia đình người Chăm, người mẹ có vị trí quan trọng. Mặc dù hiện nay người Chăm ở TPHCM theo chế độ phụ hệ nhưng tàn dư của chế độ mẫu hệ vẫn còn có ảnh hưởng nhất định<sup>(3)</sup>.

*Xét về lứa tuổi*, ở độ tuổi càng cao thì tỉ lệ sử dụng tiếng Chăm để giao tiếp với người thân trong gia đình càng cao. Trong số mẫu được hỏi thì ở nhóm tuổi từ 13-18, việc sử dụng hoàn toàn tiếng Chăm và phần lớn tiếng Chăm trong giao tiếp với ông bà là 75% (50% và 25%); nhóm tuổi từ

19-30 sử dụng ở mức 93,9% (51,5% và 42,4%); nhóm tuổi từ 31-60 là 97,7% (53,5% và 44,2%).

Trong 3 nhóm tuổi kể trên thì nhóm tuổi từ 31-60 nói tiếng Chăm nhiều nhất, nói ít hơn rơi vào nhóm tuổi 13-18 và ở nhóm này tỉ lệ dùng song ngữ Chăm-Việt cũng cao hơn hẳn các nhóm còn lại (12,5% so với 6,1% và 4,1%).

Số liệu nói trên cho thấy có sự khác nhau trong việc lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp giữa các thế hệ trong gia đình. Đa số đều sử dụng tiếng Chăm trong giao tiếp nhưng tỉ lệ nói tiếng Chăm nhiều nhất là lứa tuổi trung niên trở lên. Điều này cho thấy những người lớn tuổi có xu hướng lưu giữ các giá trị truyền thống. Trong khi đó các thành viên ở độ tuổi thiếu niên và thanh niên có xu hướng sử dụng tiếng Việt nhiều hơn và trạng thái song ngữ Chăm-Việt được sử dụng cao nhất so với các nhóm tuổi khác. Có thể do nhóm tuổi này chịu ảnh hưởng của giáo dục nhiều hơn, tính cách năng động hơn, dễ tiếp thu các yếu tố mới trong môi trường giao tiếp xung quanh với tuyệt đại đa số là người Việt.

*Xét về nghề nghiệp*, người Chăm ở TPHCM làm nhiều nghề để mưu sinh nhưng nhiều nhất là nhóm buôn bán dịch vụ. So với một số dân tộc ít người cùng sinh sống trong địa bàn ở TPHCM thì người Chăm dù làm bất cứ nghề nghiệp nào khi giao tiếp với người thân trong gia đình cũng đều dùng tiếng Chăm. Tỉ lệ tuy không giống nhau nhưng cũng không tạo nên sự cách biệt quá lớn.

Trong các nhóm nghề, nhóm buôn bán dịch vụ có tỉ lệ sử dụng tiếng Chăm cao

nhất trong tất cả các quan hệ giao tiếp (với ông bà bố mẹ, cô dì chú bác, anh chị em, vợ chồng và con cái, lần lượt là 96,1%; 94,7%; 85,5%; 77,6%). Nhóm sử dụng tiếng Chăm ít hơn là nhóm học sinh sinh viên (dao động từ 87-93%) và cũng là nhóm sử dụng song ngữ Chăm-Việt nhiều hơn các nhóm khác trong giao tiếp với ông bà bố mẹ (12,5%). Có thể do nhóm buôn bán dịch vụ có giao tiếp xã hội nhiều, do họ thường xuyên tiếp xúc bên ngoài xã hội nên họ luôn lựa chọn ngôn ngữ sử dụng phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Nhóm học sinh-sinh viên do tiếp cận với giáo dục (tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ sử dụng bắt buộc trong các hệ thống giáo dục quốc dân) nên nhóm này sử dụng cả tiếng Việt và tiếng Chăm để giao tiếp trong gia đình.

*Xét về trình độ học vấn*, khi giao tiếp với ông bà, các nhóm ở mọi trình độ học vấn đều có tỉ lệ sử dụng tiếng Chăm cao, dao động từ 91,17% đến 100%. Ngoài xu hướng trân trọng các giá trị truyền thống không loại trừ khả năng sử dụng tiếng Việt của ông bà không tốt bằng những nhóm còn lại nên hầu như họ chỉ sử dụng tiếng Chăm.

Trong giao tiếp với bố mẹ, các nhóm sử dụng tiếng Chăm cũng rất cao từ 93 % đến 100%. Bên cạnh đó thì nhóm có trình độ cấp 3 và đại học có tỉ lệ sử dụng song ngữ cao hơn so với các nhóm khác: 11,4% và 12,5%. Ngôn ngữ mẹ đẻ là sợi dây gắn kết tình cảm, tạo sự gắn bó yêu thương nhiều hơn trong gia đình.

Giao tiếp với anh chị em của nhóm chưa đi học trong gia đình thì tiếng Chăm vẫn giữ vai trò chủ đạo. Sử dụng tiếng Chăm thấp

nhất là nhóm học đại học (79%) và cao nhất là nhóm học sinh tiểu học và cấp 2: (100%).

Trong giao tiếp vợ chồng, nhóm có trình độ học vấn cấp 3 sử dụng song ngữ nhiều nhất trong các nhóm (9,1%) cũng như sử dụng tiếng Việt nhiều nhất trong giao tiếp (6,8%).

Tiếng Chăm là ngôn ngữ dùng để giao tiếp trong gia đình của người Chăm ở TPHCM. Dù ở trình độ nào thì người Chăm cũng có thể dùng tiếng Chăm để giao tiếp với những người thân của mình. Trong các mối quan hệ gia đình thì với ông bà, cha mẹ và anh chị em ruột, tiếng Chăm được sử dụng nhiều nhất. Trong mối quan hệ vợ chồng, tỉ lệ sử dụng tiếng Chăm có giảm. Trong xu hướng phát triển hiện nay, kiểu gia đình hạt nhân trở nên phổ biến. Các cặp vợ chồng trẻ tách ra ở riêng, do tiếp xúc với bạn bè và các phương tiện nghe nhìn nhiều nên họ giao tiếp với nhau bằng tiếng Việt nhiều hơn. Nhìn ở góc độ học vấn, thì nhóm người có trình độ tiểu học nói tiếng Chăm nhiều nhất và giảm dần ở những người có trình độ cao hơn.

### 3.3.2. Giao tiếp với khách

Khi giao tiếp với người quen cùng dân tộc, người Chăm ở TPHCM thường dùng tiếng Chăm để giao tiếp..

Đối với khách lạ dù là người dân tộc nào, người Chăm thường sử dụng tiếng Việt để giao tiếp. Nếu khách là người Khmer, người Chăm có thể nói tiếng Khmer nhưng trường hợp này không nhiều.

Trong những phỏng vấn người Chăm ở TPHCM, khi được hỏi “Có khách tới nhà ông bà thường sử dụng tiếng Việt hay

tiếng Chăm để giao tiếp?” thì được trả lời: “Nếu là người Chăm thì dĩ nhiên mình nói tiếng Chăm à còn thì nói tiếng Việt”<sup>(4)</sup>. Kết quả khảo sát cho thấy đối với những người khách không phải là người Chăm thì người Chăm không sử dụng tiếng Chăm để giao tiếp, trừ khi người khách biết tiếng Chăm và chủ động nói tiếng Chăm trước. Nhưng trường hợp này ít xảy ra. Trường hợp dùng cả tiếng Việt và tiếng Chăm trong giao tiếp chiếm tỉ lệ cao nhất và nghiêng về nam giới (nam: 66%; nữ: 60,9%). Số người nói hoàn toàn bằng tiếng Việt đối với nam là 22,6% và với nữ là 17,2%.

Điều này có thể lý giải nam giới thường ra ngoài nhiều hơn, tham gia các công việc ngoài xã hội nhiều hơn, còn nữ giới chủ yếu giao tiếp trong nội bộ cộng đồng. Điều này một phần do sự phân công lao động trong gia đình, nam giới thường đảm nhận các công việc bên ngoài, còn nữ giới chủ yếu đảm nhận công việc nội trợ. Sự khác nhau về điều kiện tiếp xúc dẫn đến việc sử dụng tiếng Việt khác nhau.

Xét theo tiêu chí nhóm tuổi, nhóm từ 13-18 tuổi sử dụng song ngữ để giao tiếp với khách lạ là 62,5%; ngoài ra tỉ lệ sử dụng tiếng Việt và phần lớn tiếng Việt trong giao tiếp với khách lạ khá cao (37%). Đây là độ tuổi đến trường, thường xuyên tiếp xúc với thầy, cô, bạn bè là người Việt nên khả năng sử dụng tiếng Việt tốt là điều dễ hiểu.

Trong ba nhóm tuổi thuộc mẫu khảo sát thì nhóm từ 19-30 sử dụng song ngữ Việt-Chăm chiếm tỉ lệ cao nhất: 71,2%. Nhóm tuổi 13-18: 62,5%; nhóm ít sử dụng song ngữ nhất là nhóm 31-60 (51,2%), nhưng nhóm này lại là nhóm sử dụng hoàn toàn

tiếng Việt trong giao tiếp khá cao: 27,9% so với hai nhóm còn lại (19-30: 13,6%; 13-39: 25%). Điều này có thể lý giải, lứa tuổi 19-30 là lứa tuổi năng động, nhanh nhạy với những thay đổi của môi trường xung quanh nên có cách ứng xử linh hoạt. Còn những người ở nhóm tuổi từ 31-60 thì xu hướng sử dụng tiếng Việt nhiều hơn. Có lẽ đây là nhóm tuổi có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống, tiếp xúc bên ngoài cộng đồng nhiều hơn nên khả năng tiếng Việt tốt hơn và sử dụng nhiều hơn.

*Xét theo tiêu chí học vấn*, người Chăm dù ở trình độ nào khi gặp khách là người khác dân tộc đều dùng tiếng Việt để giao tiếp như đã nói ở phần trên. Cho dù không đi học, nhưng nhóm người này vẫn sử dụng tiếng Việt tương đối tốt. Khả năng song ngữ Chăm-Việt của họ so với các nhóm khác thấp hơn không nhiều (66,7% so với 75%). Tỉ lệ nói phần lớn tiếng Việt và hoàn toàn tiếng Việt là 25%. Đối với nhóm có trình độ tiểu học thì khi giao tiếp với khách lạ họ dùng 100% tiếng Việt để giao tiếp. Có thể lý giải những người lớn tuổi này tuy không đi học nhưng họ có sự trải nghiệm bên ngoài cộng đồng nhiều nên khả năng giao tiếp linh hoạt.

Đối với nhóm người học cấp 2 và cấp 3 thì tỉ lệ giao tiếp sử dụng song ngữ Việt-Chăm tương đương các nhóm khác (61,9%; 63,6%). Nhưng tỉ lệ sử dụng hoàn toàn tiếng Việt để giao tiếp với khách lạ cao nhất trong các nhóm (21,4%).

Nhóm người có trình độ đại học phần lớn sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp với khách. Trong mẫu trả lời tỉ lệ lựa chọn là 100% (hoàn toàn tiếng Việt: 75%; phần lớn tiếng Việt: 12,5%; song ngữ: 12,5%).

Như vậy, người Chăm ở TPHCM sử dụng khá tốt cả tiếng Việt và tiếng Chăm. Tình trạng sử dụng song ngữ Chăm-Việt để giao tiếp với khách khá đồng đều (dao động trong khoảng từ 61,9%-75%). Trừ những người đi chưa đi học và học vấn cấp 1 sử dụng tiếng Việt tốt như đã lý giải ở trên, còn lại mức độ giao tiếp bằng tiếng Việt tăng theo trình độ học vấn.

*Xét theo tiêu chí nhóm nghề*, trong số 4 nhóm nghề thì nhóm học sinh sinh viên-công nhân viên sử dụng song ngữ để giao tiếp với khách nhiều nhất, nhóm này cũng sử dụng tiếng Việt để giao tiếp với khách cao hơn những nhóm còn lại. Đây là nhóm có trình độ học vấn cao, có một khoảng thời gian dài thường xuyên sử dụng tiếng Việt trong học tập. Đối với công nhân viên thì họ làm việc trong môi trường hầu hết là người Việt nên sử dụng tiếng Việt cao là điều dễ hiểu.

Những người làm công việc nội trợ sử dụng chủ yếu tiếng Việt trong giao tiếp với khách là 33%; sử dụng song ngữ Chăm-Việt là 50%; hoàn toàn Việt là 11,1%. Đây là nhóm ít sử dụng tiếng Việt nhất so với hai nhóm còn lại vì môi trường giao tiếp chủ yếu trong gia đình và cộng đồng.

Những người trong nhóm buôn bán dịch vụ sử dụng chủ yếu tiếng Việt trong giao tiếp với khách là 5,3%; hoàn toàn sử dụng tiếng Việt là 17,1%; sử dụng song ngữ Chăm-Việt là 63,2%; Đây là nhóm không có học vấn cao như nhóm học sinh sinh viên-công nhân viên nhưng do công việc buôn bán thường xuyên tiếp xúc với người ngoài cộng đồng nên họ sử dụng cả tiếng Việt và tiếng Chăm tương đối tốt. Những người thuộc nhóm nghề khác nhau cũng

có chung đặc điểm là không sử dụng tiếng Chăm khi giao tiếp với khách lạ.

#### 4. KẾT LUẬN

Trong đời sống xã hội, người Chăm TPHCM sử dụng ngôn ngữ ở trạng thái song ngữ: Việt-Chăm; Việt-Khmer; Việt-Chăm-Melayu; Việt-Hoa; trong đó song ngữ Chăm-Việt là trạng thái chủ đạo và bền vững trong đời sống cộng đồng. Đây là đặc điểm nổi bật của cảnh huống ngôn ngữ vùng người Chăm TPHCM.

Đa số người Chăm TPHCM đều sử dụng tốt tiếng Chăm trong giao tiếp, không có trường hợp nào không biết tiếng mẹ đẻ. Đó là ngôn ngữ sử dụng trong gia đình.

Người Chăm ở TPHCM sử dụng tốt tiếng Chăm trong gia đình bên cạnh việc sử dụng tốt tiếng Việt ở bên ngoài cộng đồng.

Xét về giới tính, nữ giới thường sử dụng tiếng Chăm tốt hơn. Về tuổi tác, những người ở nhóm tuổi từ 31-60 sử dụng tiếng Chăm cao nhất so với các nhóm còn lại. Xét về tiêu chí nghề nghiệp, nhóm buôn bán dịch vụ là nhóm sử dụng tốt nhất hai ngôn ngữ Chăm-Việt vì thường xuyên có quan hệ buôn bán cả ngoài và trong cộng đồng. Dựa trên tiêu chí học vấn cho thấy nhóm người Chăm có học vấn cao có khả năng giao tiếp tiếng Việt nhiều hơn.

Ở môi trường có tính chất đặc thù như gia đình thì tiếng mẹ đẻ chiếm ưu thế. Còn trong một số trường hợp nhất định như ở những nơi công cộng, trong sáng tác văn học nghệ thuật người Chăm linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ. Tùy theo điều kiện cụ thể, họ dùng cả tiếng Việt lẫn tiếng Chăm. Trong một số trường hợp đôi khi họ còn sử dụng cả tiếng Khmer hay tiếng Melayu.

Hiện tượng trộn mã (một số yếu tố từ vựng tiếng Việt, Khmer, Melayu trong sử dụng tiếng Chăm), chuyển mã đang diễn ra và ngày càng trở lên phổ biến. Sự pha trộn này phản ánh sự biến chuyển của đời sống xã hội, trong đó giao tiếp văn hóa giữa các cộng đồng dân cư (chủ yếu là người Việt) ngày càng tăng. Đối với cộng đồng người Chăm thì vị trí sau tiếng Việt là tiếng Chăm. Tính chất song ngữ không thể hiện đều khắp ở các phạm vi và các đối tượng giao tiếp. Sự phân bố chức năng trong sử dụng ngôn ngữ (Việt-Chăm) không đồng đều. Điều này bị chi phối bởi các đặc điểm nhân khẩu, xã hội. □

#### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Xem thêm Trần Phương Nguyễn, 2013, *Sự phân biệt giới tính trong cách đặt tên của người Chăm ở Nam Bộ*. Tạp chí Dân tộc học, tr. 75. Và Nguyễn Văn Luận, 1974, *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam Phần Việt Nam*, tr. 75-81.

<sup>(2)</sup> Số liệu điền dã 2012.

<sup>(3)</sup> Đại bộ phận người Chăm Islam ở Nam Bộ trong đó có TPHCM có nguồn gốc ở tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, trải qua những biến thiên của lịch sử đã đưa đẩy họ đến vùng đất Nam Bộ

<sup>(4)</sup> M. K. phường 17, quận Phú Nhuận, TPHCM.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Austin, John. 1975. *How to Do Thing With Words*. J.O. Urmson and M. Sbisca (eds), Cambridge: Harvard University Press.
2. Baker, Colin. 2008. *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
3. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý. 2009. *Gia đình học*. Hà Nội: Nxb. Chính trị-Hành chính.
4. Lương Văn Hy. 2000. *Ngôn từ giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Văn Khang. 2009. *Khảo sát, nghiên cứu vai trò của tiếng nói chữ viết Chăm trong đời sống xã hội của người Chăm hiện nay*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ do Viện Ngôn ngữ học (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) chủ trì.
6. Nguyễn Văn Khang. 2012. *Ngôn ngữ học xã hội*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
7. Nguyễn Văn Luận. 1974. *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam Phần Việt Nam*. Sài Gòn: Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản.
8. Vũ Dũng chủ biên. 2008. *Từ điển tâm lý học*. Hà Nội: Nxb. Từ Điển Bách Khoa.
9. Vương Xuân Tình. 2010. *Biến đổi văn hóa các tộc người vùng Đông Bắc từ góc nhìn sử dụng ngôn ngữ*, Tạp chí Dân tộc học, số 5.